TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CAO LÃNH** **TỈNH ĐỒNG THÁP**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 30/2018/HS-ST
Ngày: 04/6/2018

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CAO LÃNH, TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Đinh Văn Phong**
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông **Nguyễn Văn Chinh**
2. Ông **Lương Thanh Trung**

- Thư ký phiên tòa: Ông **Trương Trường Chinh** là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa: Ông **Trần Minh Thắng** - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 31 tháng 5 và ngày 04 tháng 6 năm 2018, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 17/2018/TLST-HS ngày 27 tháng 3 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 22/2018/QĐXXST-HS ngày 27 tháng 4 năm 2018 đối với bị cáo:

Trần Trung N, sinh ngày: 10/02/2000 tại Đồng Tháp; Tên gọi khác: Tâm; Nơi cư trú: Ấp BMA, xã BT, huyện CL, tỉnh Đồng Tháp; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Làm vườn; Trình độ học vấn: 9/12; Con ông Trần Văn D - sinh năm 1978 và bà Nguyễn Thị Y - sinh năm 1980; Tiền sự; tiền án: Không; Bị cáo bị khởi tố nhưng cho tại ngoại (có mặt tại phiên tòa).

** Người bị hại:* **Nguyễn Thị Bé H** - sinh năm 1956 (đã chết).
** Người đại diện hợp pháp của bị hại:*

1. **Mai Thanh D** - sinh năm 1956,
Địa chỉ: Ấp 2, xã MH, huyện CL, tỉnh Đồng Tháp.

2. **Mai Thị Ngọc H** - sinh năm 1983,
Địa chỉ: Ấp 2, xã TH, huyện CB, tỉnh Tiền Giang.

3. **Mai Thị Kiều L** - sinh năm 1984,
Địa chỉ: Ấp AN, xã AB, huyện CL, tỉnh Đồng Tháp.

4. **Mai Thị Thúy H** - sinh năm 1986,

Địa chỉ: Ấp 2, xã MH, huyện CL, tỉnh Đồng Tháp.

(Mai Thanh D, Mai Thị Ngọc H, Mai Thị Thúy H đều ủy quyền cho chị Mai Thị Kiều L - sinh năm 1984; địa chỉ: Ấp AN, xã AB, huyện CL, tỉnh Đồng Tháp (Chị L có đơn xin xét xử vắng mặt).

** Người bào chữa cho bị cáo:* Bà **Trần Hồng T** - Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm Trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Đồng Tháp (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Bị cáo Trần Trung N bị Viện kiểm sát nhân dân huyện Cao Lãnh truy tố về hành vi phạm tội như sau:

Trần Trung N là người chưa được cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép lái xe theo quy định nhưng vào khoảng 06 giờ 10 phút ngày 23/11/2017, N đã tự ý lấy xe mô tô biển số 66F1-490.41 của anh Trần Văn D (cha ruột của N) điều khiển lưu thông trên tuyến quốc lộ 30 hướng từ AH đi TPCL. Khi đến cầu Bà Dư thuộc ấp 2, xã MH, huyện CL, tỉnh Đồng Tháp thì N phát hiện bà Nguyễn Thị Bé H đang bộ hành từ lề phải qua lề trái theo hướng xe mô tô lưu thông cách xe N điều khiển khoảng 15 mét nhưng N không giảm tốc độ để nhường đường cho người đi bộ nên đã đụng vào bà H làm bà H bị ngã tại chỗ, N và xe mô tô lao về phía trước và ngã cách vị trị của bà H 05 mét. Hậu quả làm bà H bị thương nặng được gia đình đưa đi cấp cứu tại bệnh viện Chợ Rẫy, thành phố Hồ Chí Minh, đến 23 giờ 28 phút cùng ngày thì tử vong, riêng N chỉ bị thương nhẹ.

Tại bản kết luận giám định pháp y về tử thi số 338/TTh-TTPY, ngày 24/11/2017 của Trung tâm pháp y Đồng Tháp kết luận: Nạn nhân Nguyễn Thị Bé H, sinh năm 1956, ngụ ấp 2, xã MH, huyện CL, tỉnh Đồng Tháp tử vong do vỡ sọ - dập não, nguyên nhân do tai nạn giao thông đường bộ.

Tại biên bản khám nghiệm hiện trường lúc 07 giờ 30 ngày 23/11/2017 thể hiện: Mặt cầu nơi xảy ra tai nạn dài 56,80 mét, rộng 07 mét, mặt cầu pê tông nhựa, bằng phẳng, thẳng, tầm nhìn không bị hạn chế, mặt cầu khô, hai chiều, có vạch kẽ đường (sơn trắng) liền giữa tim cầu, trên mặt cầu có vĩa hè hai bên dành cho người đi bộ. Lấy lề cầu bên phải hướng An Hữu đi thành phố Cao Lãnh làm lề chuẩn. Tâm vùng va chạm giữa xe mô tô và nạn nhân ra lề chuẩn là 2,40 mét.

Từ kết quả khám nghiệm hiện trường, kết luận giám định, lời khai của những người tham gia tố tụng cùng tài liệu thu thập được xác định nguyên nhân chính gây ra tai nạn giao thông đường bộ là do Trần Trung N điều khiển xe mô tô thiếu quan sát, không giảm tốc độ để nhường đường cho người đi bộ qua đường đảm bảo an toàn đã vi phạm quy định tại Điều 11 Luật giao thông đường bộ và không giảm tốc độ khi qua cầu vi phạm quy định tại khoản 4 và khoản 6 Điều 5 Thông tư 91/2015/TTBGTVT ngày 31/12/2015 của Bộ Giao Thông Vận Tải quy định về tốc độ và khoảng cách an toàn của xe cơ giới, xe máy chuyên dùng tham gia giao thông đường bộ, đồng thời khi điều khiển xe mô tô N không có giấy phép lái xe theo quy định nên đã vi phạm vào điều cấm quy định tại khoản 9 Điều 8 Luật giao thông đường bộ.

Tuy nhiên, trong vụ án này cũng có một phần lỗi của bà Nguyễn Thị Bé H là thiếu quan sát khi qua đường không đảm bảo an toàn vi phạm khoản 3, Điều 32 Luật giao thông đường bộ.

Các phương tiện, đồ vật tạm giữ gồm: 01 xe mô tô biển số 66F1-490.41; 01 chiếc dép quai kẹp bên trái của nữ (màu xanh đen). Hiện Cơ quan Cảnh sát điều tra đã trả lại tài sản cho chủ sở hữu.

Quá trình điều tra, truy tố bị cáo được anh Trần Văn D (cha ruột của bị cáo) đại diện thỏa thuận với chị Mai Thị Kiều L là đại diện hợp pháp của bị hại bồi thường xong các khoản chi phí gồm: Tiền điều trị, tiền mai táng phí và bồi thường tổn thất tinh thần với tổng số tiền là 90.200.000 đồng. Hiện tại phía chị L không yêu cầu bị cáo bồi thường gì thêm và có đơn xin miễn trách nhiệm hình sự cho bị cáo.

Trong quá trình điều tra bị cáo Trần Trung N đã thừa nhận có hành vi phạm tội như nội dung trên. Lời khai của bị cáo còn phù hợp với lời khai của người đại diện hợp pháp của bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan, vật chứng và các chứng cứ khác đã thu thập được có trong hồ sơ vụ án.

Tại Cáo trạng số 18/CT-VKSHCL ngày 27/3/2018 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Cao Lãnh đã truy tố bị cáo Trần Trung N về tội "Vi phạm quy định về điều khiển phương tiện giao thông đường bộ"; tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm a, khoản 2, Điều 202 Bộ luật hình sự 1999 được sửa đổi bổ sung năm 2009;

Tại phiên tòa sơ thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cao Lãnh giữ nguyên quyết định truy tố đối với bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng điểm a khoản 2 Điều 202; điểm b và p khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 60; Điều 69; Điều 74 của Bộ luật hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009. Xử phạt bị cáo Trần Trung N với mức án từ 02 năm 06 tháng đến 03 năm tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 04 năm 06 tháng đến 05 năm. Về xử lý vật chứng và trách nhiệm dân sự đề nghị tuyên như nội dung bản cáo trạng đã nêu.

Người bào chữa cho bị cáo Trần Trung N phát biểu quan điểm thống nhất với quan điểm của vị đại diện Viện kiểm sát về tội danh và điều khoản của tội danh áp dụng đối với bị cáo. Đồng thời, người bào chữa còn viện dẫn về trình độ nhận thức pháp luật cũng như độ tuổi của bị cáo để xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo và cho bị cáo được hưởng án treo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

Tại phiên tòa sơ thẩm, bị cáo Trần Trung N đã thừa nhận hành vi phạm tội được mô tả trong bản cáo trạng số 18/CT-VKSHCL ngày 27/3/2018 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Cao Lãnh là đúng với hành vi của bị cáo. Khi thực hiện hành vi phạm tội, bị cáo chưa được cấp giấy phép lái xe theo quy định nhưng bị cáo đã trực tiếp điều khiển xe mô tô mang biển số 66F1-490.41 lưu thông trên

đường Quốc lộ 30 hướng từ ngã ba AH đến TPCL, khi đến khu vực cầu Bà Dư thuộc địa phận ấp 2, xã MH, huyện CL, tỉnh Đồng Tháp thì bị cáo điều khiển xe mô tô thiếu quan sát, không giảm tốc độ khi qua cầu và để nhường đường cho người đi bộ qua đường đảm bảo an toàn nên đã đụng vào bà Nguyễn Thị Bé H đang bộ hành qua đường, sự việc xảy ra vào lúc 06 giờ 10 phút ngày 23/11/2017. Hậu quả làm bà H tử vong vào lúc 23 giờ 28 phút cùng ngày, riêng bị cáo N chỉ bị thương nhẹ.

Lời khai nhận tội của bị cáo hoàn toàn phù hợp với lời khai của người đại diện hợp pháp của bị hại, biên bản hiện trường xảy ra vụ tai nạn, kết luận giám định pháp y và các tài liệu chứng cứ khác đã thu thập được có trong hồ sơ vụ án.

Với những căn cứ nêu trên, Hội đồng xét xử kết luận, hành vi phạm tội của bị cáo Trần Trung N đã cấu thành tội "Vi phạm quy định về điều khiển phương tiện giao thông đường bộ", tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm a khoản 2 Điều 202 của Bộ luật hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009. Do thời điểm phạm tội của bị cáo và thời điểm xét xử vụ án là thời điểm chuyển giao giữa Bộ luật hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009 và Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 có hiệu lực pháp luật và căn cứ vào Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 về việc áp dụng nguyên tắc có lợi cho người phạm tội nên việc áp dụng điểm a khoản 2 Điều 202 của Bộ luật hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009 để xét xử bị cáo là hoàn toàn phù hợp với quy định của pháp luật.

Xét hành vi của bị cáo Trần Trung N, khi thực hiện tội phạm, bị cáo là người chưa thành niên nhưng có thể chất, tinh thần phát triển bình thường, có khả năng điều khiển hành vi, giao tiếp xã hội, nhận thức được pháp luật, có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự theo quy định. Bị cáo là người chưa được cấp giấy phép lái xe theo quy định và bị cáo nhận thức được việc điều khiển xe mô tô khi chưa được cấp giấy phép lái xe là vi phạm pháp luật về giao thông đường bộ nhưng bị cáo vẫn cố tình thực hiện. Đồng thời, bị cáo đã điều khiển xe không tuân thủ quy định về an toàn giao thông đường bộ, cụ thể là bị cáo đã điều khiển xe thiếu quan sát, không giảm tốc độ khi qua cầu, không nhường đường cho người đi bộ khi qua đường. Đây là nguyên nhân chính gây ra vụ tai nạn giao thông như đã nêu trên.

Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến trật tự, an toàn giao thông đường bộ, xâm phạm đến tính mạng của người khác được pháp luật bảo vệ, làm ảnh hưởng đến tâm lý người dân khi tham gia giao thông, gây ảnh hưởng đến an ninh trật tự tại địa phương nơi xảy ra vụ án. Do vậy, đối với bị cáo cần phải áp dụng mức hình phạt tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo nhằm cải tạo, giáo dục bị cáo trở thành một công dân tốt, có ý thức chấp hành pháp luật, đồng thời có tác dụng răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung.

Về tình tiết tăng nặng: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Về tình tiết giảm nhẹ: Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, bị cáo đã thành khẩn khai báo, tỏ ra ăn năn hối cải; về nhân thân, bị cáo chưa có tiền sự, tiền án, mới phạm tội lần đầu, tại thời điểm phạm tội bị cáo còn

ở độ tuổi chưa thành niên; sau khi sự việc xảy ra thì bị cáo cùng với gia đình đã thỏa thuận bồi thường khắc phục hậu quả cho phía gia đình của người bị hại xong và được người đại diện hợp pháp của bị hại làm đơn bãi nại, xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo; mặt khác, trong vụ án này cũng có một phần lỗi của người bị hại là không chú ý quan sát khi qua đường. Xét thấy, bị cáo Trần Trung N có nhân thân tốt, có địa chỉ rõ ràng cùng với các tình tiết giảm nhẹ nêu trên nên không cần phải cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội mà giao bị cáo cho chính quyền địa phương nơi bị cáo thường trú giám sát, giáo dục cũng đủ để cho bị cáo rèn luyện, sửa chữa để trở thành người tốt, có ý thức chấp hành pháp luật. Cho nên, cần áp dụng các điểm b và p khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 60; Điều 69 và Điều 74 Bộ luật hình sự năm 1999 sửa đổi, bổ sung năm 2009 để xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo và cho bị cáo được hưởng án treo.

Về xử lý vật chứng: Đã xử lý xong nên Hội đồng xét xử không đặt vấn đề xem xét.

Về trách nhiệm dân sự: Quá trình điều tra và truy tố, bị cáo và người đại diện hợp pháp của người bị hại đã thỏa thuận bồi thường khắc phục hậu quả xong, người đại diện hợp pháp của người bị hại không yêu cầu bồi thường gì thêm nên Hội đồng xét xử không đặt vấn đề xem xét.

Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo luật định.

Đối với anh Trần Văn D được triệu tập đến phiên tòa với tư cách là người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan trong vụ án, tuy nhiên, tại phiên tòa anh D xác định anh là cha bị cáo nên anh không có yêu cầu gì đối với số tiền mà anh đã tự nguyện nộp để khắc phục hậu quả thay cho bị cáo. Ngoài ra cũng không ai có yêu cầu gì đối với anh D. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy anh Trần Văn D không có quyền lợi và nghĩa vụ gì trong vụ án này nên cần xác định anh D là người làm chứng là phù hợp.

Xét đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cao Lãnh và người bào chữa cho bị cáo là có căn cứ và phù hợp nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố bị cáo **Trần Trung N** phạm tội "Vi phạm quy định về điều khiển phương tiện giao thông đường bộ".

Áp dụng điểm a khoản 2 Điều 202; điểm b và p khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 60; Điều 69 và Điều 74 Bộ luật hình sự 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009.

Xử phạt bị cáo Trần Trung N 03 (ba) năm tù, cho bị cáo được hưởng án treo, thời gian thử thách là 05 (năm) năm kể từ ngày tuyên án (04/6/2018).

Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã BT, huyện CL, tỉnh Đồng Tháp để giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách.

Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú trong thời gian thử thách thì phải thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 Luật thi hành án hình sự.

Về trách nhiệm dân sự: Bị cáo và người đại diện hợp pháp của bị hại đã thỏa thuận bồi thường khắc phục hậu quả xong, không ai yêu cầu gì thêm nên không đặt vấn đề xem xét.

Về xử lý vật chứng: Đã xử lý xong nên không đặt vấn đề xem xét.

Về án phí: Áp dụng khoản 1 Điều 21 và khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Buộc bị cáo Trần Trung N phải nộp 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, riêng người đại diện hợp pháp của bị hại vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- VKSND tỉnh Đồng Tháp;
- VKSND huyện Cao Lãnh;
- CA huyện Cao Lãnh;
- THADS huyện Cao Lãnh;
- Bị cáo;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu VPTA & hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Đinh Văn Phong